TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N C
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44** /2018/HNGĐ- ST
Ngày : 12/9/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG,TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa : Ông Phạm Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:100/2018/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2018.Về việc : " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 24/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ng V C, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ Th, xã Tr M, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Tr Th L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 11+12, xã M K, huyện N C , tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang tạm trú tại:Tổ 1, khu phố B H, phường T Ph Kh, thị xã T U, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ng V C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tr Th L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/02/2016 tại UBND xã Tr M, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi lấy nhau tìm hiểu không kỹ về nhau. Khi về sống

chung mới thấy tính tình, lối sống, quan điểm hai bên không hợp nhau. Đặc biệt trong cách ứng xử với nhau trong cuộc sống. Hai bên cũng đã cố gắng giàn xếp nhưng mâu thuẫn ngày càng tăng. Chị L chủ động về nhà mẹ đẻ và sống ly thân từ ngày 01/ 9/2016 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Tr Th L.

Về con chung: Anh C và chị L có 01 con chung Nguyễn Thành L, sinh 13/9/2016. Chị L nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân, nguyện vọng khi ly hôn anh chấp nhận để chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 cho đến khi con thành niên, đủ khả năng lao động.

Về tài sản và công nợ: Anh C và chị L không có tài sản chung và công nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án TAND huyện N C đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị L, nhưng chị L vắng mặt tại nơi cư trú. Theo địa chỉ anh C cung cấp, ngày 24 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện N C đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số: 12A/2018/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân thị xã T U, tỉnh Bình Dương tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T U, tỉnh Bình Dương chị Tr Th L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/02/2016 tại UBND xã Tr M, huyện N C. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác. Chị khuyên can thì anh C chửi mắng và đánh chị. Tháng 9/2016 chị về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại Tổ 1, khu phố B H, phường T Ph Kh, thị xã T U, tỉnh Bình Dương, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh 13/9/2016, hiện tại cháu L ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu anh Cẩn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi cháu L thành niên.

Về tài sản và công nợ: Anh C và chị không có tài sản chung và công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang ở xa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110,116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận anh Ng V C được ly hôn chị Tr Th L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh 13/9/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh C và chị L là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh C và chị L có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

Về Hôn nhân: Anh C và chị L xây dựng hạnh phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống hai bên không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau gây không khí căng thẳng trong gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên còn thiếu kinh nghiệm sống nên không biết cách giàn xếp, điều hòa mâu thuẫn. Từ nguyên nhân trên dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hai bên sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, kéo dài. Hai bên không còn quan tâm đến nhau. Hai bên không muốn về Toà án để

hoà giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ, không còn tha thiết về cuộc sống chung. Vì vậy căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho hai bên ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Anh C và chị L có 01 con chung. Cháu tên là Nguyễn Thành L, sinh 13/9/2016, hiện tại đang ở với chị Lý. Khi ly hôn anh C và chị L cùng có quan điểm để con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của hai bên là phù hợp nên HĐXX ghi nhận. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng mức 3.000.000đ/1tháng, nhưng không có căn cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng của anh C. Theo anh C trình bầy hiện tại anh làm lao động tự do mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/1 tháng. Vì vậy cần buộc anh C cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng là phù hợp.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản và công nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh C làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh Ng V C được ly hôn chị Tr Th L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Lo, sinh 13/9/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có tài sản và công nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Ng V C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, theo biên lai thu số AA/2015/0006654 ngày

21/5/2018. Chấp nhận anh C đã nộp đủ tiền án phí DSST. Án phí cấp dưỡng anh C phải nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)*.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn và bị đơn trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã Trường Minh;
- Lưu: HS, VP, S (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Nhất **Lê Đức Thuận** **Phạm Hữu Thắng**